

# Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025  
Sản phẩm: **Luwax® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

## 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**Luwax® EVA 3 Powder**

Sử dụng: wax for the chemical industry

Sử dụng được đề xuất: Hóa chất

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

## 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025  
Sản phẩm: **Luwax® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:  
Sản phẩm có thể nổ bụi dưới các điều kiện nhất định.  
Sản phẩm không có chứa chất có đặc tính PBT (Bền/Tích lũy sinh học/ Độc) hoặc vPvB (Rất bền/  
Tích lũy sinh học cao).

### 3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

sáp polyethylene

### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:  
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:  
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:  
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:  
Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:  
Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước.

Lưu ý cho bác sĩ:  
Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các  
cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.  
Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến  
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc  
trưng.

### 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:  
bột khô, bọt

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:  
cacbon dioxide

Thông tin bổ sung:  
Tránh làm quay hoặc đảo vòng vật liệu/ sản phẩm vì bụi nổ nguy hiểm.

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
những chất dạng hơi có hại  
Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025  
Sản phẩm: **Luwax® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:  
Mức độ rủi ro được kiểm soát bởi chất cháy và các điều kiện cháy. Nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.

---

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:  
Tránh bụi. Sử dụng quần áo bảo hộ lao động.

Cảnh báo môi trường:  
Chứa nước nhiễm bẩn/nước chữa cháy. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:  
Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ.  
Cho lượng lớn: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.  
Tránh làm phát sinh bụi.

---

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng  
Bảo vệ hô hấp khi san chiết hoá chất với số lượng lớn mà không có sự thông hút cục bộ.

Phòng chống cháy nổ:  
Tránh bụi. Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện.

Hướng dẫn bảo quản

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE, Thép không gỉ 1.4301 (V2), Thép không gỉ 1.4401, kính, giấy, Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, nhôm, thiếc (tẩm thiếc)  
Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát.

Nhiệt độ bảo quản không thấp hơn: -20 °C  
Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 50 °C

---

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Hàm lượng bụi tổng quát sẽ được duy trì.

Particles, not otherwise specified, respirable

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025  
Sản phẩm: **Luwax® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

Giá trị TWA 3 mg/m<sup>3</sup> (ACGIHTLV), Các phân tử có kích thước trên 10 µm

Particles, not otherwise specified, inhalable

Giá trị TWA 10 mg/m<sup>3</sup> (ACGIHTLV), Các phân tử có thể hít vào

#### Kiểm soát kỹ thuật

Lời khuyên trong việc thiết kế hệ thống:

Nếu có thể, nên tiến hành kiểm soát công trình để giảm thiểu nhu cầu thiết bị bảo hộ cá nhân.

#### Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ cao hơn hoặc tác động lâu dài: Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có bụi. Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu &gt; 480 phút theo EN ISO 374-1):

ví dụ cao su nitril (0.4 mm), cao su chloropren (0.5 mm), polyvinylchloride (0.7 mm) và chất khác

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh.

Bảo vệ toàn thân:

Không yêu cầu các biện pháp bảo vệ nếu sử dụng sản phẩm đúng mục đích và tuân thủ các quy định an toàn vệ sinh công nghiệp.

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc  
Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

|             |                        |
|-------------|------------------------|
| Dạng:       | bột                    |
| Màu sắc:    | Màu trắng              |
| Mùi:        | đặc trưng của sản phẩm |
| Ngưỡng mùi: | không được xác định    |

Giá trị pH:

Chất / hỗn hợp không hòa tan (trong nước)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025

Sản phẩm: **Luwax® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

|   |   |                         |
|---|---|-------------------------|
| Điểm nóng chảy:                               | 90 °C<br>(1,013 hPa)  |                         |
| Điểm sôi:                                     | không được xác định   |                         |
| Điểm chớp cháy:                               | tương đương 230 °C  | (DIN 51758)             |
| Tốc độ bay hơi:                               | không áp dụng   |                         |
| Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):              | không dễ cháy cao   |                         |
| Giới hạn nổ dưới (LEL):                       | Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn |                         |
| Giới hạn nổ trên (UEL):                       | Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn |                         |
| Nhiệt độ tự cháy:                             | tương đương 400 °C  |                         |
| Phân huỷ do nhiệt:                            | Không phân huỷ nếu được sử dụng như được hướng dẫn.                     |                         |
| Tự bắt cháy:                                  | không tự cháy   |                         |
| Khả năng tự gia nhiệt:                        | Chất không có khả năng tự gia nhiệt.                                    |                         |
| Năng lượng đánh lửa tối thiểu:                | > 1 J   | (VDI 2263, tờ 1, 2.1.1) |
| Nguy cơ nổ:                                   | không nổ  |                         |
| Những đặc tính làm tăng cháy:                 | không cháy lan  |                         |
| Áp suất hơi:                                  | Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.                           |                         |
| Tỷ trọng:                                     | 0.925 - 0.93 g/cm <sup>3</sup><br>(15 °C)                               |                         |
| Tỷ trọng tương đối:                           | Không có sẵn các dữ liệu.   |                         |
| Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:                | 400 - 450 kg/m <sup>3</sup>   |                         |
| Tỷ trọng hơi (không khí):                     | Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.                                     |                         |
| Tính tan trong nước:                          | Không thể hạ tan  |                         |
| Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:        | các dung môi không có cực<br>hoà tan                                    |                         |
| Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): | không áp dụng   |                         |
| Tính nhớt, động học:                          | 1,200 - 1,500 mm <sup>2</sup> /s<br>(120 °C)                            |                         |

**Đặc điểm của hạt**

Phân bố kích thước hạt: các hạt mịn -

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025  
Sản phẩm: **Luwax® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh bụi. Tránh lắng bụi. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Tránh tích tĩnh điện.

Phân huỷ do nhiệt:

Không phân huỷ nếu được sử dụng như được hướng dẫn.

Những chất cần tránh:

các axit mạnh, các chất bazơ mạnh, các tác nhân oxy hóa mạnh

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:

Không xảy ra các phản ứng nguy hiểm khi cất trữ và sử dụng theo hướng dẫn.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường tiếp xúc

#### Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

ATE (miệng): > 2,000 mg/kg

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khoẻ nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

#### Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

#### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không kích ứng cho mắt và da.

#### Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025  
Sản phẩm: **Luwax® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

Dựa trên thành phần sản phẩm, không có bằng chứng về nguy cơ gây kích ứng da.

### **Gây đột biến tế bào**

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Dựa trên các thành phần sản phẩm, không có bằng chứng về tác động gây biến đổi gen.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Dựa trên các thành phần sản phẩm, không xác định bất cứ nguy cơ nào về tác động gây ung thư trên người.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Dựa trên các thành phần sản phẩm, không có nghi ngờ về độc tính ảnh hưởng đến sinh sản.

### **Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

### **Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khoẻ nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

### **Nguy cơ khi hít vào**

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

### **Thông tin độc tính liên quan khác**

Sản phẩm không được thí nghiệm. Những công bố về tính độc tố có nguồn gốc từ các sản phẩm có cấu trúc và thành phần tương tự.

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh.

Với thông tin, kiến thức hiện tại, không có tác động sinh thái tiêu cực.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 100 mg/l, *Daphnia magna*

Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Chất thôi được tiến hành thí nghiệm.

Không có tác động gây độc xảy ra trong giới hạn thang hoà tan.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025  
Sản phẩm: **Luwx® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 (3 h) > 1,000 mg/l, bùn hoạt tính (Hướng dẫn OECD 209)

Nồng độ danh nghĩa. Việc hít phải quá trình hoạt động phân hủy trong bùn hoạt tính không thể dự đoán được trong khi đưa ra nồng độ thấp.

### **Đặc tính không ổn định**

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

### **Tính bền và tính biến chất**

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H<sub>2</sub>O):

Không thể nhanh chóng phân hủy (theo tiêu chuẩn OECD).

Sản phẩm gần như không thể hòa tan trong nước và do đó có thể tách khỏi nước bằng cơ học trong các nhà máy xử lý nước thải thích hợp.

Thông tin bị đào thải:

0 - 10 % BOD của ThOD (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) Phân hủy sinh học kém.

### **Khả năng tích lũy sinh học**

Đánh giá khả năng phân hủy sinh học:

Không có khả năng tích lũy đáng kể trong sinh khối.

### **Thông tin bổ sung**

Ghi chú thêm về huỷ hoại môi trường và quá trình:

Việc xử lý trong các nhà máy xử lý nước thải công nghệ sinh học phải tuân thủ quy định của địa phương.

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Không thải sản phẩm vào môi trường mà không được kiểm soát. Sản phẩm không được thí nghiệm.

Những công bố về độc tố sinh học có nguồn gốc từ các sản phẩm có cấu trúc và thành phần tương tự.

---

## **13. Thông tin về thải bỏ**

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025  
 Sản phẩm: **Luwax® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

## 14. Thông tin khi vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

|   |  |
|---|--|
|   | Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải |
| Số UN hoặc số ID                            | Không áp dụng  |
| Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: | Không áp dụng  |
| Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:             | Không áp dụng  |
| Nhóm đóng gói:                              | Không áp dụng  |
| Mối nguy hiểm về môi trường:                | Không áp dụng  |
| Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng          | Chưa có thông tin  |

### Vận tải đường thủy

|  |                   |
|--|-------------------|
| IMDG   |                   |
| Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải |                   |
| Số UN hoặc số ID:  | Không áp dụng     |
| Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:                                | Không áp dụng     |
| Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:  | Không áp dụng     |
| Nhóm đóng gói:   | Không áp dụng     |
| Mối nguy hiểm về môi trường:   | Không áp dụng     |
| Ô nhiễm hàng hải:  | Không             |
| Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng   | Chưa có thông tin |

### Sea transport

|  |                |
|--|----------------|
| IMDG   |                |
| Not classified as a dangerous good under transport regulations |                |
| UN number or ID number:  | Not applicable |
| UN proper shipping name:                                       | Not applicable |
| Transport hazard class(es):                                    | Not applicable |
| Packing group:   | Not applicable |
| Environmental hazards:   | Not applicable |
| Marine pollutant:  | no             |
| Special precautions for user                                   | None known     |

### Vận tải hàng không

|  |                   |
|--|-------------------|
| IATA/ICAO  |                   |
| Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải |                   |
| Số UN hoặc số ID:  | Không áp dụng     |
| Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:                                | Không áp dụng     |
| Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:  | Không áp dụng     |
| Nhóm đóng gói:   | Không áp dụng     |
| Mối nguy hiểm về môi trường:   | Không áp dụng     |
| Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng   | Chưa có thông tin |

### Air transport

|  |                |
|--|----------------|
| IATA/ICAO  |                |
| Not classified as a dangerous good under transport regulations |                |
| UN number or ID number:  | Not applicable |
| UN proper shipping name:                                       | Not applicable |
| Transport hazard class(es):                                    | Not applicable |
| Packing group:   | Not applicable |
| Environmental hazards:   | Not applicable |
| Special precautions for user                                   | None known     |

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025  
Sản phẩm: **Luwx® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

**Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO****Maritime transport in bulk according to IMO instruments**

Không được vận chuyển đường biển số lượng lớn mà chưa dự kiến.

Maritime transport in bulk is not intended.

---

**15. Thông tin về pháp luật****Những quy định khác**

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất:

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;
- Nghị định 34/2024/nđ-cp ngày 31/03/2024 quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa tải
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;
- Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 27.06.2025  
Sản phẩm: **Luwx® EVA 3 Powder**

Phiên bản: 1.0

(30043720/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

---

## 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Thông tin cho việc dự kiến sử dụng: Sản phẩm này là của đặc trưng công nghiệp và trừ khi được chỉ rõ hoặc đồng ý khác được dùng dành riêng cho ngành công nghiệp. Bao gồm cách sử dụng được đề cập và đề nghị. Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Trong sự liên hệ cụ thể này, việc áp dụng cho những sản phẩm là mục tiêu của những quy định và tiêu chuẩn đặc biệt.

---

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.